

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY NIÊM YẾT

REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE OF LISTING COMPANY

(6 tháng / 6 months)

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

To: - The State Securities Commission
- The Stock Exchange

- Tên công ty niêm yết/ Name of listing company: **CTY CP DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**
- Địa chỉ trụ sở chính / Address of headoffice: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa – Q.1 – TP.HCM
- Điện thoại/Telephone: (08)38.299.443-38.292.972 Fax: (08)38.299.437 Email: cadivi@cadivi.vn
- Vốn điều lệ/ Charter capital: **288.000.000.000 đồng**
- Mã chứng khoán/ Securities code: **CAV**

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/ Activities of the General Meeting of Shareholders

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)/ *Information on meetings and resolutions / decisions of the General Meeting of Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of Shareholders adopted in the form of written comments):*

Stt No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content
1		15/3/2016	- Thông qua các báo cáo 1. Báo cáo kết quả SXKD năm 2015 2. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị 3. Báo cáo của Ban kiểm soát 4. Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán - Thông qua kế hoạch SXKD năm 2016 - Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2015 - Sửa đổi Điều lệ Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam - Bầu bổ sung Bà Vũ Thanh Hương vào Ban kiểm soát NK 2012-2017 thay cho Ông Phạm Tuấn Anh. - Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị chọn Công ty kiểm toán BCTC năm 2016 - Thông qua thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2016

II. Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng)/ Board of Management (Semi-annual/annual reports):

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)/ Information about the members of the Board of Management:

Stt/No	Thành viên HĐQT/BOM's member	Chức vụ/Position	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/Day becoming/no longer member of the Board of Management	Số buổi họp HĐQT tham dự/Number of attendance	Tỷ lệ tham dự họp/Percentage	Lý do không tham dự họp/Reasons for absence
1	Ông/Mr. Nguyễn Hoa Cương	Chủ tịch	18/4/2012	8/8	100%	
2	Ông/Mr. Hoàng Nghĩa Dân	Phó chủ tịch	18/4/2012	8/8	100%	
3	Ông/Mr. Nguyễn Lộc	TV HĐQT	18/4/2012	8/8	100%	
4	Ông/Mr. Đoàn Hoài Thanh	TV HĐQT	18/4/2012	8/8	100%	
5	Ông/Mr. Lê Quang Định	TV HĐQT	17/4/2013	8/8	100%	

2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc/ Supervision by the BOD over the Director (General Director):

Sự chỉ đạo nhạy bén, linh hoạt, sâu sắc và sự giám sát thường xuyên, liên tục của Hội đồng quản trị đã giúp cho Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty theo hướng ổn định và phát triển, đúng định hướng 'Chiến lược phát triển công ty giai đoạn 2012-2017, tầm nhìn đến năm 2020'.

3. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị// Activities of the Board of Directors' committees: không có

4. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng/năm)/Resolutions/Decisions of the Board of Directors (Semi-annual/annual reports):

Stt No.	Số Nghị quyết, Quyết định/Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content
1	28A/2016/ NQ-HĐQT	14/01/2016	Phê duyệt mua sắm trực tiếp máy kéo 12 đường
2	29/2016/ NQ-HĐQT	15/01/2016	Phiên họp ngày 25/01/2016
3	30/2016/ NQ-HĐQT	16/02/2016	Phiên họp số 15/2016
4	31/2016/ NQ-HĐQT	29/3/2016	Phiên họp số 16/2016
5	32/2016/ NQ-HĐQT	31/3/2016	Chọn đối tác chiến lược và cử đại diện góp vốn tại Công ty CP CADIVI Miền Bắc
6	33/2016/ NQ-HĐQT	04/4/2016	Đề cử ứng cử viên tham gia HĐQT, BKS Công ty CP CADIVI miền Bắc
7	34/2016/ NQ-HĐQT	24/5/2016	Phiên họp số 17/2016
8	35/2016/ NQ-HĐQT	27/6/2016	Phiên họp ngày 27/6/2016 - Giảm vốn điều lệ của Công ty CP CADIVI Miền Bắc

			- Điều chỉnh ngành nghề kinh doanh của Công ty - Chuyển đổi mô hình hoạt động của Công ty CP CADIVI Miền Bắc từ Công ty cổ phần sang Công ty TNHH một thành viên - Cử người đại diện vốn; bổ nhiệm thành viên HĐQT, Kiểm soát viên và Tổng giám đốc - Thông qua Điều lệ Công ty TNHH một thành viên CADIVI Miền Bắc
9	96/2016/QĐ-HĐQT	25/01/2016	Phê duyệt chuyển lương Tổng giám đốc
10	97/2016/QĐ-HĐQT	25/01/2016	Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016
11	98/2016/QĐ-HĐQT	16/2/2016	Điều chỉnh ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016
12	99/2016/QĐ-HĐQT	16/2/2016	Thông qua kế hoạch chi tiết tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016
13	100/2016/QĐ-HĐQT	16/2/2016	Phê duyệt Tổng quỹ lương năm 2015
14	101/2016/QĐ-HĐQT	16/2/2016	Phê duyệt quyết toán hoàn thành dự án 'Xây dựng Nhà máy sản xuất dây cáp điện Miền Trung – Giai đoạn 2'
15	102/2016/QĐ-HĐQT	16/2/2016	Phê duyệt chuyển nhượng tài sản thiết bị sản xuất dây cáp điện tử cho Công ty TNHH MTV CADIVI Đồng Nai
16	103/2016/QĐ-HĐQT	29/3/2016	Phê duyệt chủ trương thành lập Công ty cổ phần CADIVI Miền Bắc
17	104/2016/QĐ-HĐQT	29/3/2016	Phê duyệt quyết toán thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2015
18	105/2016/QĐ-HĐQT	24/5/2016	Phê duyệt chủ trương tổ chức lại Phòng Thị trường và Phòng Thương mại
19	106/2016/QĐ-HĐQT	24/5/2016	Chấm dứt hoạt động Chi nhánh Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam - Chi nhánh Miền Bắc
20	107/2016/QĐ-HĐQT	24/5/2016	Chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại mặt bằng số 799 Kinh Dương Vương, Phường 12, Quận 6, TP Hồ Chí Minh
21	108/2016/QĐ-HĐQT	24/5/2016	Phê duyệt chấp thuận cho Phó tổng giám đốc Công ty được thôi việc
22	109/2016/QĐ-HĐQT	24/5/2016	Phê duyệt phương án bổ nhiệm Giám đốc Xí nghiệp Thành Mỹ
23	110/2016/QĐ-HĐQT	24/5/2016	Phê duyệt ủy quyền vay vốn của các ngân hàng, tổ chức tín dụng
24	111/2016/QĐ-HĐQT	24/5/2016	Chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016
25	112/2016/QĐ-HĐQT	24/5/2016	Phê duyệt chủ trương lập dự án để xây dựng nhà máy sản xuất của Công ty CP CADIVI Miền Bắc

III. Ban kiểm soát (Báo cáo 6 tháng/năm)/ *Supervisory Board (Semi-annual/annual reports):*

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)/ *Information about members of Supervisory Board:*

SttNo.	Thành viên BKS <i>Members of Supervisory Board</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS <i>Day becoming/no longer member of the Supervisory Board</i>	Số buổi họp BKS tham dự <i>Number of attendance</i>	Tỷ lệ tham dự họp <i>Percentage</i>	Lý do không tham dự họp <i>Reasons for absence</i>
1	Ông/Mr. Phạm Tuấn Anh	Trưởng ban	18/4/2012- 15/3/2016	1/3	33%	Từ nhiệm
2	Bà /Ms. Vũ Thanh Hương	Trưởng ban	15/3/2016	2/3	67%	Bầu bổ sung
3	Ông/Mr. Ngô Quang Hùng	Thành viên	18/4/2012	3/3	100%	
4	Ông/Mr. Dư Vĩnh Hồng Quân	Thành viên	18/4/2012	3/3	100%	

2. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông
Surveillance activities of the Supervisory Board toward the Board of Management, Board of Directors and shareholders: Ban kiểm soát theo dõi sát các hoạt động của Hội đồng quản trị thông qua các biên bản họp, nghị quyết của Hội đồng quản trị cung cấp cho Ban kiểm soát.

Ban kiểm soát thực hiện chức năng kiểm soát hoạt động của Ban điều hành thông qua việc soát xét thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Vào tháng 5 năm 2016 Ban kiểm soát đã thực hiện soát xét báo cáo tài chính quý 1 năm 2016 của Công ty CADIVI.

3. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/
The coordination among the Supervisory Board with the Board of Management, Board of Directors and different managers: Ban kiểm soát đã làm việc với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý trong Công ty CADIVI trong suốt thời gian thực hiện cuộc kiểm soát quý 1 năm 2016. Kênh thông tin giữa Ban kiểm soát và HĐQT, BGĐDH và các phòng ban chức năng trong Công ty CADIVI được thiết lập và duy trì trong suốt thời gian hoạt động trong năm 2016 của Công ty, không giới hạn ở thời gian của các cuộc soát xét định kỳ báo cáo tài chính của Công ty do BKS thực hiện.

4. Hoạt động khác của BKS (nếu có)/
Other activities of the Supervisory Board (if any): Không có.

IV. Đào tạo về quản trị công ty/ *Training on corporate governance:*

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty/
Training courses on corporate governance which members of Board of Management, members of the Supervisory Board, Director (CEO), other managers and company secretary was involved in accordance with regulations on corporate governance:

Các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và Thư ký công ty đều đã tham gia các khóa đào tạo quản trị công ty theo quy định.

V. Danh sách về người có liên quan của công ty niêm yết theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán (Báo cáo 6 tháng/năm) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty / *List of affiliated persons of the public company as specified in clause 34, Article 6 of the Securities Law (Semi-annual/annual reports) and transactions of affiliated persons of the Company with the Company*

1. Danh sách về người có liên quan của công ty/ *List of affiliated persons of the Company*:
Xem phụ lục đính kèm.

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/ *Transactions between the company and the affiliated persons or between the company and major shareholders, internal persons and related person of internal person*: Không có

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty niêm yết, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty niêm yết nắm quyền kiểm soát/ *Transaction between internal person of listed company and company's subsidiaries, or the company in which listed company takes controlling power*: Không có

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/ *Transactions between the company and other objects*

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/ *Transactions between the company and the company that members of Board of Management, members of the Supervisory Board, Director (CEO) has been a founding member or members of Board of Management, Director (CEO) in three (03) years (calculated at the time of reporting)*: xem phụ lục đính kèm.

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/ *Transactions between the company and the company that related person of members of Board of Management, members of the Supervisory Board, Director (CEO) as a member of Board of Management, Director (CEO)*: Không có.

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/ *Other transactions of the company (if any) may be beneficial material or immaterial for members of Board of Management, members of the Supervisory Board, Director (CEO)*: Không có.

VI. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo 6 tháng/năm)/ *Transactions of internal persons and related person of internal person (Semi-annual/annual reports)*

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/ *List of internal persons and their affiliated persons*: Xem phụ lục đính kèm.

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty niêm yết/ *Transactions of internal persons and affiliated persons on shares of the listed company*:
Xem phụ lục đính kèm.

VII. Các vấn đề cần lưu ý khác/ Other significant issues: Hội đồng quản trị chấp thuận cho Ông Nguyễn Trung Trường, Phó tổng giám đốc, được thôi việc kể từ ngày 01/7/2016.

CHỦ TỊCH HĐQT
CHAIRMAN OF THE BOD

(Ký tên và đóng dấu)

(Sign and seal)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP HĐQT



Nguyễn Hoa Cường

PHỤ LỤC

V. Danh sách về người có liên quan của công ty niêm yết theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán (Báo cáo 6 tháng/năm) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty / *List of affiliated persons of the public company as specified in clause 34, Article 6 of the Securities Law (Semi-annual/annual reports) and transactions of affiliated persons of the Company with the Company)*

1. Danh sách về người có liên quan của công ty/ *List of affiliated persons of the Company*

STTNo.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No.*, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>
1	Nguyễn Hoa Cương		Chủ tịch HĐQT							
2	Hoàng Nghĩa Đàn		Phó CT HĐQT							
3	Nguyễn Lộc		TV HĐQT, Tổng giám đốc							
4	Nguyễn Trung Trường		Phó Tổng Giám đốc							
5	Lê Quang Định		TV HĐQT, Phó tổng giám đốc							
6	Trịnh Quốc Toàn		Phó Tổng Giám đốc							
7	Võ Hữu Luyện		Kế toán trưởng							
8	Dương Liễu Mai Khanh		Giám đốc tài chính							
9	Đoàn Hoài Thanh		TV HĐQT, Giám đốc Nhân sự							

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No.*, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>
10	Phạm Tuấn Anh		Trưởng BKS						15/3/2016	Từ nhiệm
11	Vũ Thanh Hương		Trưởng BKS					15/03/2016		Được bầu bổ sung Thành viên BKS nhiệm kỳ 2015-2017 ngày 15/3/2016 thay thế ông Phạm Tuấn Anh xin từ nhiệm
12	Dư Vĩnh Hồng Quân		TV Ban Kiểm soát							
13	Ngô Quang Hùng		TV BKS, Phó Giám đốc XN Tân Á							

Ghi chú/Note: Số Giấy NSH*: Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH: In case of individual: ID card/Passport No.; In case of organization: License of establishment and operation/Certificate of business registration/equivalent legal documents.

- 4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/ *Transactions between the company and the company that members of Board of Management, members of the Supervisory Board, Director (CEO) has been a founding member or members of Board of Management, Director (CEO) in three (03) years (calculated at the time of reporting)*

DVT: VNĐ

TÊN KHÁCH HÀNG	CADIVI bán dây cáp điện	CADIVI thu tiền
CÔNG TY CP CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI	33.076.120	60.597.570
CÔNG TY CP VẬT TƯ VÀ XÂY DỰNG HÀ NỘI	1.273.013.782	1.809.508.404
CÔNG TY CP CHẾ TẠO BIẾN THÉ VÀ VẬT LIỆU ĐIỆN HÀ NỘI	176.236.504	322.738.530
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO BƠM HẢI DƯƠNG	418.595.454	431.247.951
TỔNG CÔNG TY CP THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM (GELEX)	1.001.138.499	7.251.665.514
CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI	43.863.395.180	43.920.930.790
CÔNG TY TNHH MTV CADIVI ĐỒNG NAI	23.890.930.275	20.375.483.700

DVT: VNĐ

TÊN NHÀ CUNG CẤP	CADIVI trả tiền	CADIVI mua hàng hóa, dịch vụ	GHI CHÚ
CÔNG TY CP ĐIỆN CƠ HÀ NỘI	83.809.000	83.809.000	Dịch vụ sửa chữa và mua động cơ
CÔNG TY CP DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI	58.811.484.380	60.813.725.520	Mua nhôm và gia công sản phẩm đồng
CÔNG TY DÂY ĐỒNG VN -CFT	86.986.178.258	83.051.294.072	Mua và gia công NVL đồng
CÔNG TY TNHH MTV CADIVI ĐỒNG NAI	52.931.824.562	50.426.017.588	Mua dây cáp điện
TỔNG CTY CP THIẾT BỊ ĐIỆN VN	237.805.609.562	240.109.147.193	Mua NVL đồng

VI. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo 6 tháng/năm)/ Transactions of internal persons and related person of internal person (Semi-annual/annual reports)

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/ List of internal persons and their affiliated persons

Stt/ o.	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có)/Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp/ID card/Pass port No., date of issue, place of issue			Địa chỉ liên hệ/Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/Percent age of share ownership at the end of the period	Ghi chú/ Note
				Số CMND/Hộ chiếu	Ngày cấp CMND	Nơi cấp				
1	Nguyễn Hoa Cường		CT HĐQT					62.486	0,22%	
1.1	Tổ chức									
1.1.1	Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam		Đại diện phân góp vốn					18.721.824	65,01%	
1.1.2	Công ty Cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội		Chủ tịch HĐQT							
1.1.3	Công ty TNHH SAS-CTAMAD		Phó Chủ tịch HĐQT							
1.2	Cá nhân									
1.2.1	Nguyễn Bạch Tuyết		Vợ							
1.2.2	Nguyễn Bích Hà		Con ruột							
1.2.3	Nguyễn Liên Hương		Con ruột							
1.2.4	Nguyễn Đức Phương		Anh ruột							
1.2.5	Nguyễn Gia Chính		Anh ruột							

Stt/ o.	Họ tênName	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có)Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấpID card/Pass port No., date of issue, place of issue			Địa chỉ liên hệAddress	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳNumber of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳPercent age of share ownership at the end of the period	Ghi chúNote
				Số CMND/Hộ chiếu	Ngày cấp CMND	Nơi cấp				
1.2.6	Nguyễn Thị Xuân Thanh		Chị ruột							
2	Hoàng Nghĩa Đàn		Phó CT HĐQT					50.000	0,17%	
2.1	Tổ chức									
2.1.1	Công Ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Việt Thái		Chủ tịch HĐQT							
2.2	Cá nhân									
2.2.1	Hoàng Nghĩa Thuận		Cha ruột							
2.2.2	Hoàng Thị Vân		Mẹ ruột							
2.2.3	Trịnh Thị Hồng Vinh		Vợ							
2.2.4	Hoàng Hồng Thùy Dương		Con ruột							
2.2.5	Hoàng Hồng Thùy Linh		Con ruột							
2.2.6	Hoàng Nghĩa Đức Minh		Con ruột							
2.2.7	Hoàng Thị Dung		Chị ruột							
2.2.8	Hoàng Nghĩa Đào		Em ruột							

Stt o.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có)Securitie s trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấpID card/Pass port No., date of issue, place of issue			Địa chỉ liên hệAddress	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳNumber of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳPercent age of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
				Số CMND/Hộ chiếu	Ngày cấp CMND	Nơi cấp				
2.2.9	Hoàng Thị Hiền		Em ruột							
2.2.1 0	Hoàng Nghĩa Đài		Em ruột							
2.2.1 1	Hoàng Thị Huệ		Em ruột							
2.2.1 2	Hoàng Thị Hồng		Em ruột, Phó phòng TMSX XN Long Biên					5.665	0,02%	
3	Nguyễn Lộc	003C308308	TV HĐQT, Tổng giám đốc					87.117	0,30%	
3.1	Tổ chức									
3.1.1	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái		Ủy viên HĐQT							
3.1.2	Công ty Dây Đồng Việt Nam - CFT		Ủy viên HĐQT							
3.1.3	Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Cao		Phó CT HĐQT							
3.2	Cá nhân									
3.2.1	Nguyễn Thao		Cha ruột							
3.2.2	Cao Thị Mai		Mẹ ruột							
3.2.3	Võ Thị Tuyết Hương		Vợ, Nhân viên Xí nghiệp Tân Á					25.851	0,09%	

Stt/N o.	Họ tênName	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có)Securitie s trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấpID card/Pass port No., date of issue, place of issue			Địa chỉ liên hệAddress	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳNumber of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳPercent age of share ownership at the end of the period	Ghi chúNote
				Số CMND/Hộ chiếu	Ngày cấp CMND	Nơi cấp				
3.2.4	Nguyễn Võ Duy Minh		Con ruột							
3.2.5	Nguyễn Võ Minh Như		Con ruột							
3.2.6	Nguyễn Thọ		Anh ruột							
3.2.7	Nguyễn Hạo		Em ruột							
3.2.8	Nguyễn Phê		Em ruột, Nhân viên Xí nghiệp Long Biên					2.187	0,01%	
4	Nguyễn Trung Trường		Phó Tổng Giám đốc					0	0,00%	
4.1	Tổ chức									
4.2	Cá nhân									
4.2.1	Nguyễn Văn Lý		Cha ruột							
4.2.2	Lê Thị Huệ		Mẹ ruột							
4.2.3	Hồ Thị Kim Nhung		Vợ							
4.2.4	Nguyễn Trường Minh		Con ruột							
4.2.5	Nguyễn Trường Anh Thơ		Con ruột							

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có)Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấpID card/Pass port No., date of issue, place of issue			Địa chỉ liên hệAddress	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳNumber of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳPercent age of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
				Số CMND/Hộ chiếu	Ngày cấp CMND	Nơi cấp				
4.2.6	Nguyễn Văn Hòa		Em ruột							
4.2.7	Nguyễn Văn Thái		Em ruột							
5	Lê Quang Định		TV HĐQT, Phó tổng giám đốc					0	0,00%	
5.1	Tổ chức									
5.1.1	Công ty TNHH MTV CADIVI Đồng Nai		Tổng giám đốc							
5.2	Cá nhân									
5.2.1	Lê Quang Tạo		Cha ruột							
5.2.2	Trần Thị Huệ		Mẹ ruột							
5.2.3	Nguyễn Đăng Mỹ Khanh		Vợ							
5.2.4	Lê Đăng Khôi		Con ruột							
5.2.5	Lê Nguyễn Đoan Trang		Con ruột							
5.2.6	Lê Ngọc Dung		Chị ruột							
5.2.7	Lê Quang Thịnh		Anh ruột							

Stt/ o.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card/Pass port No., date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percent age of share ownership at the end of the period</i>	Ghi chú <i>Note</i>
				Số CMND/Hộ chiếu	Ngày cấp CMND	Nơi cấp				
5.2.8	Lê Bích Thu		Em ruột							
5.2.9	Lê Thủy Bình		Em ruột							
5.2.1 0	Lê Phú Cường		Em ruột							
6	Trịnh Quốc Toàn		Phó Tổng Giám đốc					30	0,00%	
6.1	Tổ chức									
6.2	Cá nhân									
6.2.1	Trịnh Hồng Chính		Cha ruột							
6.2.2	Hoàng Thị Ruộng		Mẹ ruột							
6.2.3	Nguyễn Thị Thu Hà		Vợ, Nhân Viên Kho A, Công Ty CP Dây Cáp Điện VN					4	0,00%	
6.2.4	Trịnh Quốc Thắng		Con ruột							
6.2.5	Trịnh Hà Phương Linh		Con ruột							
6.2.6	Trịnh Quốc Tiến		Con ruột							
7	Võ Hữu Luyện		Kế toán trưởng					40.455	0,14%	

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có)Securitie s trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp/D card/Pass port No., date of issue, place of issue			Địa chỉ liên hệAddress	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳNumber of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳPercent age of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
				Số CMND/Hộ chiếu	Ngày cấp CMND	Nơi cấp				
7.1	Tổ chức									
7.2	Cá nhân									
7.2.1	Trương thị Sâm		Vợ					40.549	0,14%	
7.2.2	Võ Khánh Tùng		Con ruột							
7.2.3	Võ Ngọc Mai		Con ruột							
7.2.4	Võ Hữu Phán		Cha ruột							
7.2.5	Nguyễn Thị Hiệt		Mẹ ruột							
8	Dương Liễu Mai Khanh		Giám đốc tài chính					0	0,00%	
8.1	Tổ chức									
8.1.1	CTCP Dây Cáp Điện Việt Thái		Thành viên BKS							
8.2	Cá nhân									
8.2.1	Dương Kim Lang		Mẹ							
8.2.2	Võ Hồng Anh		Chồng					5.600	0,02%	

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có)Securitie s trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp/D card/Pass port No., date of issue, place of issue			Địa chỉ liên hệAddress	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳNumber of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳPercent age of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
				Số CMND/Hộ chiếu	Ngày cấp CMND	Nơi cấp				
8.2.3	Võ Gia Khánh		Con ruột							
8.2.4	Võ Khánh Hưng		Cha ruột							
9	Đoàn Hoài Thanh		TV HĐQT, Giám đốc Nhân sự					5.770	0,02%	
9.1	Tổ chức									
9.2	Cá nhân									
9.2.1	Đoàn Hồ Hải		Cha ruột							
9.2.2	Lê Thị Thành		Mẹ ruột							
9.2.3	Đoàn Thanh Huyền		Em ruột							
9.2.4	Đoàn Thị Vân Hồng		Em ruột							
9.2.5	Đoàn Long Vân		Em ruột							
9.2.6	Trần Thị Bích Thủy		Vợ							
9.2.7	Đoàn Thanh Nam		Con ruột					2.045	0,01%	
9.2.8	Đoàn Thanh Tùng		Con ruột							

Stt/ o.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card/Pass port No., date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percent age of share ownership at the end of the period</i>	Ghi chú <i>Note</i>
				Số CMND/Hộ chiếu	Ngày cấp CMND	Nơi cấp				
10	Phạm Tuấn Anh		Trưởng BKS					0	0,00%	
10.1	Tổ chức									
10.2	Cá nhân									
10.2. 1	Phạm Văn Thiều		Cha ruột							
10.2. 2	Nguyễn Thị Lan Anh		Mẹ ruột							
10.2. 3	Nguyễn Thị Hương Giang		Vợ							
10.2. 4	Phạm Nguyễn Diệu Anh		Con ruột							
10.2. 5	Phạm Minh Anh		Con ruột							
10.2. 6	Phạm Quang Thanh		Em ruột							
10.2. 7	Phạm Hồng Thư		Em ruột							
11	Vũ Thanh Hương		Trưởng BKS					0	0,00%	Được bầu bổ sung Thành viên BKS nhiệm kỳ 2015-2017 ngày 15/3/2016 thay thế ông Phạm Tuấn Anh xin từ nhiệm

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có)Securitie s trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấpID card/Pass port No., date of issue, place of issue			Địa chỉ liên hệAddress	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳNumber of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳPercent age of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
				Số CMND/Hộ chiếu	Ngày cấp CMND	Nơi cấp				
11.1	Tổ chức									
11.2	Cá nhân									
11.2. 1	Vũ Xuân Kỳ		Cha ruột							
11.2. 2	Nguyễn Thị Kim Chi		Mẹ ruột							
11.2. 3	Trương Ngọc Hà		Con ruột							
11.2. 4	Trương Ngọc Minh		Con ruột							
11.2. 5	Vũ Tố Nga		Chị ruột							
11.2. 6	Đỗ Quốc Bảo		Anh rể							
11.2. 7	Vũ Thanh Tùng		Anh ruột							
11.2. 8	Hoàng Diệu Thương		Chị dâu							
12	Dư Vĩnh Hồng Quân		TV Ban Kiểm soát	022876347	08/09/2004	Tp HCM	105/4H đường Lê Văn Thọ, P11, Q Gò Vấp, Tp HCM	168	0,00%	
12.1	Tổ chức									
12.1. 1	Công ty TNHH MTV CADIVI		Phó tổng giám đốc	3603058326	11/06/2013	SKH ĐT Đồng Nai	Đường số 1, KCN Long			

Stt/ o.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có)Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấpID card/Pass port No., date of issue, place of issue			Địa chỉ liên hệAddress	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳNumber of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳPercent age of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
				Số CMND/Hộ chiếu	Ngày cấp CMND	Nơi cấp				
	Đồng Nai						Thành, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Đồng Nai			
12.2	Cá nhân									
12.2. 1	Lê Thị Bé		Mẹ ruột	020213428	06/08/1998	CA TP.HCM	114/30 Phạm Văn Chiêu P9 Gò Vấp			
12.2. 2	Dư Vĩnh Phước		Cha ruột	00000	-	-	114/30 Phạm Văn Chiêu P9 Gò Vấp			
12.2. 3	Dư Vĩnh Hồng Phúc		Em ruột	023480553	13/3/1997	CA TP.HCM	114/30 Phạm Văn Chiêu P9 Gò Vấp			
12.2. 4	Lê Thị Kiều Diễm		Vợ	022876594	09/08/2004	CA TP.HCM	457/41 Lê Văn Thọ P9 Gò Vấp			
12.2. 5	Dư Xuân Thanh		Con ruột	chưa đủ tuổi			457/41 Lê Văn Thọ P9 Gò Vấp			
12.2. 6	Dư Vĩnh Xuân Quang		Con ruột	chưa đủ tuổi			457/41 Lê Văn Thọ P9 Gò Vấp			
13	Ngô Quang Hùng		TV BKS, Phó Giám đốc XN Tân Á	023236869	11/02/2011	Tp HCM	3 Đường số 3, P. Hiệp Bình Chánh, Q Thủ Đức, TP HCM	314	0,00%	
13.1	Tổ chức									
13.2	Cá nhân									
13.2. 1	Phan Thị Lộc		Mẹ ruột	021411874	21/08/2012	CA.HCM	Số 3,Đường 3,KP1, P.HBC, Q.TĐ			

Stt/ o.	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) / Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) / Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp / ID card/Pass port No., date of issue, place of issue			Địa chỉ liên hệ / Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ / Percent age of share ownership at the end of the period	Ghi chú / Note
				Số CMND/Hộ chiếu	Ngày cấp CMND	Nơi cấp				
13.2. 2	Ngô Thị Sáng		Chị ruột	020472514	02/01/2007	CA.HCM	16/8 Đường 5, Kp1, P.HBC, Q.TĐ			
13.2. 3	Ngô Thị Ánh		Chị ruột	280161779	17/07/2009	CA.Bình Dương	218 Tổ 6, Ấp Đồng Treo, Xã Lai Uyên, Tỉnh Bình Dương			
13.2. 4	Ngô Quang Dũng		Em ruột	025836804	26/11/2013	CATPHC M	Số 3, Đường 3, KP1, P.HBC, Q.TĐ			
13.2. 5	Lê Thị Cẩm Vân		Vợ	022210244	21/08/2012	CA.HCM	Số 3, Đường 3, KP1, P.HBC, Q.TĐ			
13.2. 6	Ngô Thị Mỹ Dung		Con ruột	023579018	15/06/2012	CA.HCM	Số 3, Đường 3, KP1, P.HBC, Q.TĐ			
13.2. 7	Ngô Quang Đăng Khoa		Con ruột	025172177	20/12/2011	CA.HCM	Số 3, Đường 3, KP1, P.HBC, Q.TĐ			

VI.2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty niêm yết/*Transactions of internal persons and affiliated persons on shares of the listed company*

SttNo.	Người thực hiện giao dịch <i>Transaction executor</i>	Quan hệ với người nội bộ <i>Relationship with internal person</i>	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ <i>Number of shares owned at the beginning of the period</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) <i>Reasons for increase, decrease (purchase, sale, switch, reward...)</i>
1	Nguyễn Trung Trường		11.000	0	Bán
2	Lê Quang Định		25.000	0	Bán
3	Trịnh Quốc Toàn		7.730	30	Bán
4	Võ Hồng Anh	Cá nhân có liên quan đến người nội bộ Bà Dương Liễu Mai Khanh-Giám Đốc Tài chính	15.600	5.600	Bán
5	Đoàn Hoài Thanh		38.770	5.770	Bán
6	Dư Vĩnh Hồng Quân		11.668	168	Bán
7	Ngô Quang Hùng		11.814	314	Bán